

Ngọc Diệp - Trâm Oanh

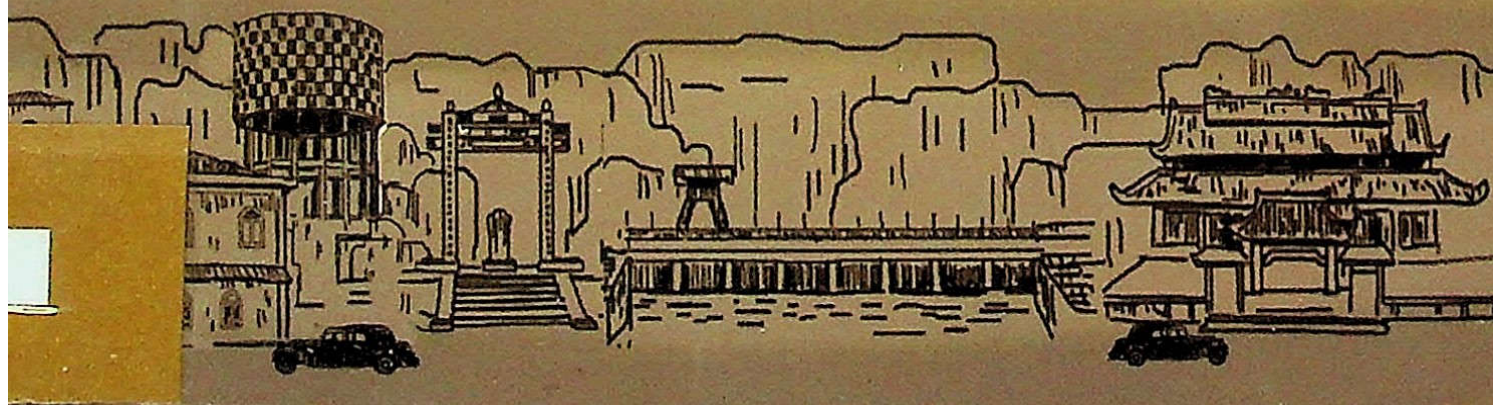
895.922 840 8

ĐC

Đ 254 Đ

ĐẾN ĐÂY THÌ Ở LẠI ĐÂY

Tản văn



Nhà xuất bản Đồng Nai



Tác giả: Ngọc Điệp

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

- Tình yêu thời hiện đại (Tập truyện vui, NXB Đồng Nai, 1995)
- Bướm đi học (Tập truyện thiếu nhi, NXB Đồng Nai, 2005)
- Món quà Noel (Tập truyện thiếu nhi, NXB Thời đại, 2008 - Giải thưởng Trịnh Hoài Đức lần thứ ba, 2004-2010)
- Cún con làm lạnh (Tập truyện thiếu nhi, NXB Thời đại, 2008)
- Cù lao yêu dấu (Truyện vừa, NXB Hội Nhà văn, 2018 - Giải thưởng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam năm 2019)
- Ngày biển âm (Tập truyện ngắn, NXB Đồng Nai, 2019)
- Xóm sông (Tập truyện ngắn, NXB Đồng Nai, 2020)

ĐẾN ĐÂY THÌ Ở LẠI ĐÂY

Lời tựa

Thuở còn đi học, tôi đã biết đến những câu ca dao về vùng đất Đồng Nai xa xăm đầy quyến rũ:

Nước sông trong đổ lộn sông ngoài

Thương người xa xứ lạc loài đến đây

Đến đây thì ở lại đây

Bao giờ bén rễ xanh cây hãy về.

Nói là vậy. Nhưng phải đến khi đã trở thành cư dân Biên Hòa, đã lặn sâu, tan hòa vào những ấm lạnh của tình đời để sẻ chia nỗi lo cơm áo, những khát vọng gần xa của người Đồng Nai, tôi mới thật sự thấu cảm những câu ca dao dân dã, mộc mạc mà chan chứa tình người của xứ “Đồng Nai khoai củ” (chữ dùng của nhà văn Hoàng Văn Bôn).

Tôi và Oanh là “bạn vong niên”, không sinh ra, lớn lên trên vùng đất này. Lý do để chúng tôi đặt chân đến đây cũng có đôi chút khác biệt. Nhưng có một điểm chung kết nối chúng tôi: yêu quý, tự hào và gắn bó máu thịt với vùng

đất Biên Hòa - Đồng Nai tươi đẹp, hào phóng, nghĩa tình. Cuốn sách nhỏ này chính là một trong những điều nhỏ nhoi mà chúng tôi có thể làm được để tri ân vùng đất đã nuôi nấng, bảo bọc những đứa con đến từ phương xa, với bao điều bỡ ngỡ, vụng dại buổi ban đầu.

Với dung lượng hạn chế của cuốn sách, thật khó để nói hết cảm nhận, tình yêu cũng như những ân nghĩa, thủy chung của tôi và Oanh với đất và người Biên Hòa - Đồng Nai. Chỉ biết với tất cả trái tim mình, chúng tôi đã cố gắng ghi lại những dấu ấn, sự việc, hồi ức, cảnh đẹp, tâm hồn, nụ cười của những người mình đã gặp trong những năm tháng thanh xuân cũng như khi tóc đã ngả màu. Cám ơn số phận đã đẩy đưa chúng tôi đến với quê hương thứ hai, để chúng tôi có được hạnh phúc cùng với vùng đất trầm tích văn hóa mang tên “Biên Hòa - Đồng Nai” đi qua những thăng trầm của thời bao cấp và thời đổi mới, hội nhập.

Trong lần xuất bản này, hẳn khó tránh khỏi những bất cập, thiếu sót hoặc lầm lẫn, chúng tôi mong có được sự sẻ chia, đồng cảm và lượng thứ từ bạn đọc.

Ngọc Diệp - Trâm Oanh

BIÊN HÒA - BẾN ĐỠ CỦA TÔI

Tôi vốn không tin có thần thánh, cũng chẳng tin có số mệnh. Nhưng sau gần bốn chục năm “ăn mòn chén bát” của Biên Hòa, Đồng Nai, tôi dần tin rằng mỗi người đều có số mệnh, được lập trình từ trong bào thai, và số mệnh tôi là phải phiêu lưu đến miền Đông Nam Bộ, rồi gắn kết trọn đời với vùng đất xinh đẹp này.

Trước buổi chiều ngày 27 tháng 9 năm 1983, khi tôi xách va li vào nhận nhiệm sở ở một cơ quan cấp tỉnh, thật tình tôi không có ý niệm gì rõ rệt về nơi tôi sẽ sống, ngoài câu ca dao lãng đãng trong trí nhớ từ thời còn mài quần trên ghế nhà trường: *Làm trai cho đáng nên trai. Phú Xuân đã trải, Đồng Nai đã từng*. Thế rồi bất ngờ tôi trở thành cư dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, không phải vì tình yêu đối với nó, cũng chẳng phải vì thú chơi nông, muốn thám hiểm những vùng đất lạ. Một người bạn từng bảo rằng tôi vào Biên Hòa lập nghiệp là đúng, vì ở ngoài Bắc cuộc sống quá... vất vả. Họ ngỡ tôi không tìm được việc làm, còn ngỡ tôi vào Biên Hòa để... thoát nghèo. Một

suy đoán nặng tính chủ quan. Thật ra thì khi tôi tốt nghiệp đại học ngành xuất bản, số học viên còn chưa đủ cung cấp cho hệ thống nhà xuất bản của cả nước, mà đa số đứng chân ở Hà Nội. Nghĩa là tôi không “ế” đến nỗi không tìm được việc làm. Ngoài ra, dù là chuyển cư vào Nam hay đi bất cứ đâu, họ Hoàng nhà tôi vốn nổi danh... khờ khạo và không thức thời, nên cũng chẳng thể thoát nghèo. Tóm lại, tôi trở thành cư dân Biên Hòa là do định mệnh sắp đặt, sau một “cơn ảm đầu” của tuổi trẻ...

Ấn tượng đầu tiên của tôi về thành phố Biên Hòa đến từ... chiếc xe lô. Nó đen trũi như con bọ hung, cũ kỹ và bám đầy bụi, như thể vừa chui từ đất lên. Đặc biệt, trong bụng chiếc xe “bọ hung”, người ta xếp những hàng ghế sát nhau không còn lấy một kẽ hở. Khách ngồi trên xe ép chặt vào nhau như cá hộp, lại phải cúi mọp đầu xuống để khỏi đụng trần xe. Tôi xui xẻo bị xếp ngồi hàng ghế cuối cùng, lưng áp vào lưng người ngồi đằng trước, mặt nhìn ra phía sau, kiểu ngồi ngược như thế rất chóng mặt và khó chịu. Từ Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh) về Biên Hòa chỉ hơn ba chục cây số. Con đường mang tên “xa lộ Đại Hàn” nghe rất hoành tráng nhưng người xe vắng hoe, hai bên đường thưa thớt những túp nhà mái tôn chắp vá, những khoảnh ruộng bỏ hoang mọc đầy dừa nước và các loại cỏ năn cỏ lác. Ruột gan tôi lộn tung phèo, người rũ rượi như lá rau phơi nắng. Vì say xe. Vì thiếu dưỡng khí. Nên vừa chui ra khỏi bụng “con bọ hung” là tôi nhào ngay ra vệ đường... nôn thốc

nôn tháo. Mùi xăng cháy dở, mùi mồ hôi người chua nồng, mùi vật dụng của khách trên xe ám vào tôi mấy ngày chưa phai, nó cảnh báo cho tôi hiểu rằng hành trình trên vùng đất mới sẽ không trải toàn hoa hồng...

Đến giờ tôi vẫn không hiểu vì sao sau một quãng thời gian dài đằng đẵng tôi vẫn bám trụ ngôi nhà cũ, như thể đã bị gắn vào nó bằng tuýp keo 502. Ngôi nhà được những bàn tay thợ vụng xây lên một cách ngô nghê, rộng vồn vện hơn bốn chục mét vuông, tường dày trịch như cái lô cốt, cầu thang lù lù mọc giữa nhà và cái bếp bé tẹo, chỉ là một chỗ lõm sâu vào tường. Bây giờ sau nhiều lần sang sửa, nhà đã khác xưa. Nhưng đối với tôi, nó mãi là cái “lô cốt” thân thuộc, nơi tôi trải nghiệm đủ mùi vị của cuộc đời, và tôi sẵn sàng sống tiếp... 100 năm nữa cùng nó, nếu như có thể. Bạn có thể không tin, nhưng với tôi, ngôi nhà bình dị nằm giữa thành phố Biên Hòa, dưới chân cái tháp nước cao to lừng lững giá trị chẳng kém một tòa lâu đài, bởi nó là nơi tôi chui ra chui vào mỗi ngày, mùa mưa khỏi bị ướt, mùa hè khỏi bị nắng, và tôi thường ngủ trong tiếng xe chạy âm ì, tiếng gió lao phào qua cửa sổ cùng vô vàn âm thanh đặc trưng của một thành phố công nghiệp.

Tôi tới Biên Hòa vào cuối mùa mưa. Những cơn mưa phương Nam vừa quen, vừa lạ, ào đến bất chợt rồi mất hút. Cây lá chỉ vừa kịp ướt đã ráo khô. Buổi tối tôi lang thang ra phố với thói tò mò cố hữu, háo hức khám phá cái nơi sẽ là “nhà” của mình. Ánh đèn đường vàng nhòe nhoẹt soi mờ

tỏ những súc gỗ la liệt trên bãi cỏ lam nham đầy rác, chẳng hiểu gỗ ở đâu ra và người ta để chúng ở đó làm gì. Bên kia đường là khu nhà ở của các gia đình quân nhân, trước mỗi sân nhà cỏ tranh mọc cao quá đầu người, trùm lên hàng rào kẽm gai - dấu vết của cuộc chiến vừa mới đi qua được bảy năm. Nhà cửa, đường sá, những hàng rào B40, bãi đất trống, bờ cỏ và cây dại... tất thấy như hầy còn nóng bỏng và khét lẹt mùi thuốc súng.

Đằng sau khu nhà ở của các gia đình quân nhân là sân bay Biên Hòa, một địa danh nổi tiếng, rộng bát ngát tới 25km². Đây là nơi xuất kích của phi cơ quân đội Việt Nam cộng hòa nhằm dội bom đánh chặn bước tiến của bộ đội Bắc Việt vào Sài Gòn, trung tâm đầu não của chính quyền ngụy, nhưng lại làm chết bao nhiêu người vô tội. Quân giải phóng đã nã pháo vào bãi đáp quân sự ấy, làm bùng lên một khối lửa khổng lồ, thiêu hủy hàng trăm "máy" gieo rắc sự chết, chiến công ấy làm chấn động cả thế giới và các đơn vị trực tiếp làm nên chiến thắng đã được Bác Hồ gửi thư khen. Sau này tôi có vào sân bay Biên Hòa thăm một người bạn, anh dựng nhà, nuôi gà, vịt, thả cá, trồng rừng, bầy vịt đông đúc của anh hồn nhiên tung tăng bơi lội, đứng rìa lông trắng phau trên bờ ruộng lấp xấp nước. Nhiều người khác cũng tranh thủ vào sân bay để cấy lúa, thậm chí... thả bò. Những chú bò đôi khi nổi hứng, nghênh ngang đi lại trên đường bằng. Cảnh tượng ấy bây giờ không còn vì sân bay đã đóng cửa không cho dân tự do vào canh

tác, dựng nhà. Một bức tường bê tông kiên cố đã chạy vòng vèo, ngăn cách khu gia binh với sân bay nhằm giảm bớt tác hại của chất diệt cỏ dựng trong những thùng phuy bị quân đội Mỹ bỏ lại sau cuộc tháo chạy lịch sử 30/4/1975. Nhưng hồi tôi mới vào thì chưa có bức tường xây, và rất nhiều người bị cuộc sống thúc bách đã vào sân bay đào phế liệu, sắt vụn, để rồi phải trả giá bằng mạng sống của mình.

Cái công viên nhỏ xinh mang tên công viên Đài tưởng niệm Biên Hòa bây giờ xanh tươi hoa lá chứ hồi ấy ngập trong cỏ, những bụi cỏ dày lì lợm, tấn công bao vây cả bia tưởng niệm. Sau này tôi mới biết, tấm bia trong đài tưởng niệm là cả một câu chuyện buồn của lịch sử...

Cho tới khi thật sự là người Biên Hòa, tôi mới lần la tìm hiểu cội nguồn vùng đất luôn có sức hút mãnh liệt đối với những người “đàng ngoài” muốn tìm cơ hội đổi đời. Thật khó tin nơi tôi đang sống vào thời cha ông mở cõi vốn là chốn rừng núi thâm u, sản vật tự nhiên trên rừng dưới ruộng đều dồi dào. Chẳng thế mà ca dao cũ có câu: *Đến đây xứ sở lạ lùng. Con chim kêu phải sợ, con cá vùng phải kinh; Đồng Nai gạo trắng như cò. Bỏ cha bỏ mẹ xuống đò theo anh...*

Hơn ba trăm năm vật đổi sao dời, mọi thứ đã khác. Nhiều giá trị cũ chỉ còn trong hoài niệm, trong những cuốn sách bị lãng quên trên giá sách của các gia đình, hay trên các kệ sách lưu trữ phủ đầy bụi của thư viện. Biên Hòa bây giờ nếu tính cả các khu công nghiệp với hàng trăm nhà

máy xí nghiệp cũ và mới thì hoàn toàn có thể gọi là một thành phố... khủng. Nhưng dù mang trên lưng gần một triệu cư dân, đối với tôi Biên Hòa vẫn là một đô thị nhỏ. Nó nhỏ đến nỗi tôi gần như chẳng... nhớ tên phố, tên đường. Khác hẳn khi còn ở Hà Nội, phải nhớ tên phố, nhớ số nhà, để phòng bị lạc. Nói Biên Hòa nhỏ vì chạy honda loanh quanh khu trung tâm chỉ một hồi là hết. Không cần phải thuộc tên phố, tên đường bạn cũng chẳng sợ không tìm ra nhà, vì thành phố chỉ có vài tuyến đường cơ bản với kết cấu giản đơn. Hình thù của nó không giống những đô thị khác có nhiều ngã ba ngã tư vuông vắn bàn cờ, trước sau chỉ có một trục đường chính dài xọc như cái xương sống cá, tẽ nhánh sang hai bên. Nó cũng chẳng có cây xanh, chính xác hơn là có rất ít cây và cây nào cũng thấp chùn. Tôi liên tưởng Biên Hòa giống một... người ở trần. Hồi đó, tôi có một chiếc xe đạp sườn ngang, một cái túi đan bằng sợi cước màu trắng đen, miệng túi túm lại. Với chiếc xe cà cộ và cái túi quê mùa đó, tôi lang thang ra chợ Biên Hòa, đi dọc con đường Cách mạng Tháng Tám, nhìn ngó, thăm thú mọi chỗ, phát hiện những điều mới lạ. Cái gì với tôi cũng lạ. Ly nước sâm lạnh có vị ngọt khó gọi tên. Gỏi xôi có cả đường lẫn muối. Những cô gái quần jean, áo thun ngắn tay, đeo găng cao đến tận khuỷu. Những phụ nữ mang bầu mặc áo dài, khoác ra ngoài chiếc áo không có tay dài thượt. Tôi thích nhất mỗi khi có chiếc xe khách trở đến, anh phụ xe trẻ lại kêu to “mại zô, mại zô” làm những người đứng bên vệ đường vội dạt ra, để cửa xe mở đón và trả khách. Cái

tiếng “mai zô, mai zô” nghe lạ tai, cung cách mau mắn, xởi lời sẵn sàng xách đồ hỗ trợ khách lên xuống xe của chàng lơ xe mà người ta hay nói là “lóc chóc” tôi thấy thật thú vị. Nó thể hiện cuộc sống vội vã tất bật, sinh động và là một chỉ dấu cho thấy tính cách hào hiệp của người phương Nam.

Biên Hòa cũng như miền Nam nói chung, không có 4 mùa xuân hạ thu đông như xứ Bắc. Nó chỉ có hai mùa, mùa khô và mùa mưa. Theo cảm nhận của tôi, quá nửa thời gian trong năm là nóng nực. Nhưng cái nóng của Biên Hòa không hoàn toàn giống như mùa hè miền Bắc. Nó không hùng hổ, dữ dằn như rang người ta trên chảo lửa, chỉ cần bạn bước vào nhà, hay vào bóng râm dưới tán cây, cái nóng sẽ dịu đi đáng kể. Ban đêm, vào tiết đông chí, có khi đang nằm ngủ tôi thức dậy trong cảm giác se se, lạnh lạnh, khí lạnh rón rén luồn vào nhà qua khe cửa, khê khàng như bước chân ai. Có những buổi sáng mưa lay phây như bột mịn hay sương mù lãng đãng, trên đường đến cơ quan, tôi bỗng cảm thấy tâm hồn tràn ngập một nỗi bâng khuâng, đó là vì tự dưng tôi có cảm giác như đang đi giữa phố phường Hà Nội. Nhiều người bảo Biên Hòa là vùng đất được thiên nhiên ưu đãi, mưa như thác đổ, như cầm thùng dội nhưng không dai dẳng, không dầm dề. Nó như cơn giận của người Nam Bộ, nóng bỏng tựa than hồng, nhưng hết giận lại cười xòa, không thù dai, không ghi xương khắc cốt. Rất nhiều hôm sấm động rền rĩ ngỡ sắp giông gió tới bởi đến nơi, nhưng sấm chán rồi... hết,

cơn mưa không tới, cũng không tích tụ thành bão. Bởi vậy nên mỗi khi xem ti vi thấy nơi này nơi kia bị thiên tai lũ lụt, hạn hán hoành hành, tôi lại thấy mình may mắn...

Vào Biên Hòa, tôi để lại sau lưng mình biết bao ký ức, bao nỗi vui buồn, có những điều sau đó đã tan loãng như khói, nhưng cũng có những điều đọng lại mãi mãi trong lòng tôi, như cát lắng xuống đáy sông. Lẽ ra, sau ngày ra trường tôi hoàn toàn có thể ở lại Hà Nội, như hầu hết bạn học. Hà Nội có vô số những điều hấp dẫn, lôi cuốn người ta như rừng hoa ngũ sắc hấp dẫn lũ ong mật, nhất là với dân tỉnh lẻ. Riêng tôi, Hà Nội càng không xa lạ. Thủ đô là nơi tôi sống những năm tháng tuổi thơ an nhiên dù thiếu thốn, nơi tôi có mối tình trẻ con nhí nhố với cậu bạn cùng lớp, nơi tôi nhấp vị ngọt ngào của chén trà thanh xuân và cũng là nơi tôi lần đầu cảm nhận niềm chát đắng của giấc mơ dang dở. Tôi đã chọn Biên Hòa trong tâm thế gần như chạy khỏi vùng ký ức buồn nhiều hơn vui, với một hy vọng mù mờ không rõ dáng nét, hình hài. Nhưng thật may mắn, ngay trong những ngày đầu, tháng đầu, năm đầu, tình cảm quyến luyến của tôi với vùng đất này cứ nảy nở dần, như phù sa đắp bồi châu thổ. Hay tại tâm hồn tôi lãng mạn, phi thực tế như bạn bè vẫn nhận xét chẳng? Jim Rohn từng nói, hãy học cách hạnh phúc với điều mình có trong khi theo đuổi tất cả những gì mình muốn. Ít ra tôi cũng làm được một nửa câu nói này, tức là tôi đã học được cách hạnh phúc với điều mình có. Hơn nửa thế kỷ trước, nhà

thơ - chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ mô tả lịch sử Đồng Nai qua thơ có những câu:

Ngày xưa.

Từng đoàn người rời đất Huế

Chán ghét vua quan, buồn đời nô lệ

Gánh cung tên liềm búa trên vai

Họ bạt núi rừng, chẻ bẻ

Đi vào Nam làm lại cuộc đời

Tìm đất mới gieo mầm hạnh phúc...

Vậy thì việc tôi tìm đến với Biên Hòa cũng chẳng có gì lạ, bởi trước tôi, sau tôi, đã và sẽ có những người khác đến với Biên Hòa, đến rồi ở lại...

NHỚ MỘT THỜI KHỔN KHÓ

Biên Hòa trong cách nghĩ hơi lẫn lộn của tôi có vẻ giống một cô gái mũi tẹt, ba vòng không chuẩn, da không trắng sáng, chỉ có chút duyên ngầm và tính tình cởi mở rộng rãi, nói chung là dễ gần. Nhưng chính chút duyên ngầm và tính cách cởi mở phóng khoáng của cô gái Biên Hòa đã lấp hết những khiếm khuyết trong nhan sắc, khiến cô đắt chồng hơn bao nhiêu cô gái xinh đẹp mà vô duyên. Bởi vậy dân chúng vẫn đổ vào đây không ngừng, khiến thành phố gần đây bắt đầu kẹt xe, có hôm tôi bị tắc đường ngay ngã tư vườn mít, phải chờ cả hai chục phút mới thông xe.

Ngã đường nào ở Biên Hòa bây giờ tan tằm cũng ngập trong sắc đồng phục công nhân. Tôi nhận ra rằng dù công nhân là người làm ra lượng hàng hóa khổng lồ giành cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu nhưng họ lại là tầng lớp nghèo trong xã hội, vì họ làm công ăn lương, mà đồng lương ở ta thì khá bèo. Nên tôi coi Biên Hòa là đô thị của người nghèo.

Nói cho công bằng, dù chưa Khang trang, nhiều hộ gia đình còn “giật gấu vá vai” nhưng hiện tại cuộc sống của hầu hết dân cư Biên Hòa và cư dân Đồng Nai đã khác xa thời bao cấp. Khác tới nỗi đôi khi ngồi buồn, lẩn thẩn nhớ lại những ngày xưa cũ cách nay mấy chục năm, tôi ngỡ như mình đang mơ...

Hồi mới xách va li vào nhận nhiệm sở, trong bụng tôi chộn rộn như trẻ con đợi mẹ về chợ. Rất nhiều háo hức xen lẫn tò mò. Rồi sự háo hức trong tôi cứ lụi dần, như ngọn bấc của cây đèn cạn dầu, vì vấp phải những hàng rào vô hình. Cơ quan tôi nằm giữa lòng thành phố, trên đỉnh con dốc dài, dưới chân cái bồn nước to như một pháo đài. Đằng sau ngôi nhà tôi được xếp ở tạm là nhà của một gia đình đủ cả vợ chồng con cái. Ông chồng hay cười trần, bụng phình ra như trái bóng sắp rớt xuống đất, chị vợ mặt bầu, khá xinh đẹp. Ở được vài ngày, tôi phát hiện ra ông chồng rất hay ngó nghiêng nhìn trộm tôi qua cửa sổ. Nghe nói ông này là một nhà nhiếp ảnh, có tiệm ảnh riêng. Tôi chưa kịp nhớ mặt biết tên nhà nhiếp ảnh thì ít hôm sau đã nghe nói ông đưa gia đình đi vượt biên, cả nhà gặp nạn trên biển, năm người không một ai sống sót. Thời điểm ấy, vượt biên vẫn đang là cơn sốt của những người dị ứng với chế độ mới. Họ phản kháng bằng cách bỏ Tổ quốc ra đi, chấp nhận những rủi ro vô lường.

Cái chết của người hàng xóm chưa kịp quen làm tôi bàng hoàng. Tôi cảm thấy xót xa cho phận người và bỗng

nhận ra, cuộc sống quanh tôi chứa đầy sự bất trắc. Có điều gì đó gần như là sự ác cảm ngấm ngấm của những người cũ treo lơ lửng trên đầu người mới. Cảm nhận này rõ nét hơn khi H - cô bạn cùng phòng tôi đi cơ sở trở về. Cô nhỏ hơn tôi hai tuổi, mặt lấm lấm tàn nhang, mắt gần như không thấy lòng trắng, một cặp mắt chỉ nhìn cũng đã thấy khôn ngoan. Không khó để tôi nhận ra cô tỏ ra xoi mói, ghẻ lạnh với tôi, một cô gái lơ ngơ từ tỉnh ngoài vào, ăn vận xuề xòa, giọng Bắc đặc sệt. Sau vài lần chuyện trò qua lại, H tỏ ra vui vẻ thân thiện hơn. Thậm chí có lần, cô cho tôi đi nhờ cái xe PC của cô về Sài Gòn. Cái xe chạy cà rịch cà tang, mãi mới tới nhà người quen của tôi. Nhưng sau chuyến đi ấy, hàng rào giữa tôi và H có vẻ như được gỡ bỏ. Cô nói với tôi bằng giọng Huế ngọt lịm nhưng hàm ý giấu cợt, mấy người ngoài đó vô trong này ca miền Bắc dữ lắm, lên tới trời, cái gì cũng ngon lành hết. Ngon lành vậy thì vô đây làm chi? Có mình chị là thật thà thôi à. Tôi lặng thinh, vì không biết cô đã nghe được gì từ những người đến trước tôi, nhưng có lẽ họ đã hơi khuếch đại làm cô hoài nghi và càng thêm thành kiến với người Bắc. Âu cái thói hay khoe khoang lắm khi đến kệch cỡm lối bịch cũng là tật xấu không nhỏ và khá phổ biến của nhiều người Việt. May mà càng sống và làm việc chung, tình cảm giữa chúng tôi càng ấm áp, những mặc cảm, thành kiến phai nhạt dần.

Nhiều năm sống trong chế độ tem phiếu, người miền Bắc đã quen với sự ngặt nghèo, nên có thiếu khổ đôi chút

cũng chẳng sao. Nhưng đời sống những năm đầu sau giải phóng thật sự là cơn ác mộng đối với nhiều người sinh ra, lớn lên ở Biên Hòa. Hàng ngàn người chật vật vì miếng cơm manh áo, phải thắt lưng buộc bụng, làm quen với sự sèn so, tính toán nhỏ nhặt. Cô đồng nghiệp tên H của tôi hay bông giọng tiếc nuối, nói hồi đó, tức là trước giải phóng, ba cô đi làm sở Mỹ, tiền đô của “ông Mỹ” đổ vào như nước, mình ba cô nuôi nhẹ tênh một vợ với 10 đứa con và người giúp việc, cuối tuần cả nhà lên xe tưng bưng đi “Ô cấp” đổi gió. Tôi chẳng hiểu cô nói vậy là có ý gì, oán trách chế độ mới hay ước mơ được trở về thời hoàng kim? Nhưng thời thế đâu thể đổi ngược. Thay vì nhớ tiếc dĩ vãng vàng son không do tay mình tạo ra, tôi khuyên H nên chấp nhận cái mới, như vậy thực tế và dễ sống hơn.

Thời bao cấp, không thiếu những chuyện dở khóc dở cười. Như cái vụ chia vải may quần áo. Không rõ vải lấy từ nguồn nào. Chỉ thấy các chị em trong cơ quan tôi xúm nhau trong hội trường, đo vải bằng cách cứ đếm 5 hòn gạch lát nền nhà là một mét, những tấm vải màu xanh, hoa lấm chấm, nồng nặc mùi dầu hỏa. Sau này tôi mới biết, loại vải gọi là kate ấy chỉ giặt một nước là co rút, xoắn tít lại, may cái gì cũng xấu. Qua đợt vải kate lại đến vải xà ru, mỏng, thưa, lèo nhèo như cái ruột gà, những người mặc quần xà ru đi từ xa đã thấy ẩn hiện... cặp chân, rõ mồn một. Thi thoảng cũng có đơn vị hay địa phương nào đó ủng hộ cơ quan tôi ít thịt heo, nước mắm. Văn phòng trải giấy báo

ngay trên mặt sân để chia, mỗi người được nhận một chai nước mắm và một phần chừng khoảng ký lô thịt. Tôi và H thường để cho mọi người tha hồ ngắm nghía, chọn lựa, phần còn lại chúng tôi mang về.

Chợ Kỷ Niệm phường Trung Dũng là ngôi chợ gần chỗ tôi ở nhất. Những buổi đi chợ đầu tiên, tôi ngỡ ngàng thấy dầu ăn, nước mắm, bột ngọt (mà tôi gọi là mì chính) được đựng vào những túi nilon bé tí xíu bằng ba ngón tay, buộc kỹ dây thun. Thì ra, nhu yếu phẩm quá khan hiếm nên người ta phải nhín ra từng chút. Hồi đó, bữa ăn thường xuyên của tôi và H là đậu hũ, cá mắm, rau, thi thoảng mới có tí thịt. Hôm nào H về nhà mang đồ ăn lên, coi như bữa đó là đại tiệc. H là cô gái hào phóng, luôn nấu những món ăn lạ miệng và cho tôi thưởng thức “ké”. Dĩ nhiên trong những món ẩm thực “biến tấu” của cô có món ngon và món không ngon, theo khẩu vị của tôi. Bởi vậy nên chẳng những không tỏ lòng biết ơn, tôi còn buông lời trêu chọc, gọi H là “Giám đốc Trung tâm chế biến các loại thức ăn gia súc”. Nhưng chính nhờ cái trung tâm cực kỳ dễ thương này mà tôi không bị “suy dinh dưỡng” và đường hoàng vượt qua giai đoạn cuối của thời bao cấp một cách ngoạn mục.

Sau ngày Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh khuyến cáo “Hãy tự cứu mình trước khi trời cứu”, cơ quan tôi cũng như các cơ quan khác trong tỉnh sôi sục như cái nồi bánh chưng. Đi tới đâu cũng nghe người ta bàn định xem nên cải thiện đời sống bằng cách nào. Buôn thúng bán bưng,

cấy lúa, nuôi heo hay... cho vay lấy lãi. Ngành văn hóa nơi tôi làm việc vốn chẳng giỏi tính toán, ai nấy chỉ biết có... văn nghệ nên tới lui chẳng nghĩ ra được “chiêu” gì, lên rừng khai phá đất hoang đòi trồng để trồng khoai cấy lúa thì ai cũng... lắc đầu, sợ không kham nổi. Rất may là chúng tôi chưa tìm ra được phương cách gì cứu mình thì đất nước đổi mới. Bao cấp bị xóa bỏ, luồng gió mát lành khiến ai nấy như được hồi sinh. Mừng nhất là các cơ quan bỏ luôn vụ... làm thêm.

Những hồi ức về cái nghèo còn tươi rói, nhưng thật ra thì đã xa cách đến mấy chục năm. Như cái lần tôi đi công tác huyện Định Quán. Trưởng phòng dặn tôi và một chị đồng nghiệp lúc về nhớ ghé nhà anh B - Trưởng phòng cấp huyện để... xin đậu. Đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ, đậu gì cũng... xin tuốt. Vừa nghe tôi truyền đạt lại “mệnh lệnh” của sếp, anh B cười ngất ngư, cười chán thì bảo chúng tôi về thưa với sếp, đậu của anh mới...ra hai lá mầm, còn mấy tháng nữa mới tới vụ thu hoạch lận. Chúng tôi vừa mắc cỡ, vừa buồn cười. Vậy là đành trắng tay ra về.

Thời bao cấp tôi thường xuyên phải làm thư ký cho Ban giám khảo hội diễn văn nghệ dưới cơ sở. Lần ấy tôi dự hội diễn văn nghệ của huyện Thống Nhất. Trên sân khấu diễn ra những màn hát múa rộn ràng, không ít những tiết mục ngô nghê, trang phục màu sắc “chói lóa”. Tôi ngồi dưới sân, bên cạnh bàn giám khảo. Hai mốt giờ, bụng tôi như có kiến bò vì thấy khán giả cứ với dầm mà tiết mục xem ra vẫn

còn dài. Đêm đó có trăng. Ánh sáng mỏng như lụa bàng bạc trải khắp nơi. Ban giám khảo kiên trì ngồi đến tiết mục cuối cùng, tóc ai nấy ẩm sương, mặt bạc phếch dưới trăng, trên sân khấu chỉ còn một diễn viên đang diễn tiểu phẩm hài. Anh ta vo quần lên vài nấc, bước thấp bước cao giả say rượu. Anh ta cứ làm nhảm hát bằng cái giọng khê nong, bước đi liêu xiêu, thi thoảng lại làm bộ té ngã. Chúng tôi trôn mình ngồi ngắm anh ta, mãi đến khi tấm màn khép lại, nhìn đồng hồ thấy... 1 giờ sáng, ai nấy thở phào. Tất cả vào hội trường, văn phòng huyện bê ra một nồi cháo gà to đùng, bốc khói thơm phức, chủ khách xì xụp, ăn xong, lên xe về, tới nhà là đúng... 2 giờ sáng.

Vui nhất là những dịp Hội diễn công nông binh toàn tỉnh. Có tới vài chục đoàn của các huyện, thị, cơ quan, đoàn thể tham gia. Đại bản doanh là rạp Nam Hà. Cái rạp nằm giữa lòng thành phố ban ngày mà ánh sáng vẫn mờng lung, bầy muỗi đói kêu vo ve, những hàng ghế già lão xập xệ, ngồi xuống là kêu ken két. Nhưng tất cả những điều ấy không ngăn được niềm vui, sự hưng phấn của các nghệ sĩ nông dân, công nhân, thợ thủ công, bộ đội... được về tham dự hội diễn. Xe ca đậu như nệm trước sân rạp. Diễn viên mặt trắng mặt đỏ đi lại tung tăng. Dàn nhạc trống phách tưng bừng. Lời ca, điệu múa hay, dở không quan trọng, chỉ cần được biểu diễn là thích, là hạnh phúc rồi. Niềm vui tinh thần thật đơn sơ, giản dị mà khiến cho hàng trăm con người thăng hoa, phấn khích, để rồi hôm

sau trở về với đời thường, họ lại an nhiên làm công nhân, nông dân, thầy giáo làng, y tá, bác sĩ... bèn bỉ, cần mẫn với chức phận của mình...

Nói lại những chuyện này để thấy thời bao cấp tuy là “ác mộng” của nhiều người nhưng cũng có không ít những điều rất đáng yêu, đáng nhớ. Và cũng để thấy, chúng ta đã tiến được một bước khá dài. Từ lâu rồi chợ Kỷ Niệm vẫn những dãy sạp hàng bằng gỗ nứt nẻ, lối đi trong chợ vẫn hẹp đến nỗi phải len lách mà lưng còn đụng nhau, nhưng không còn cảnh buôn bán vụn vặt như ngày xưa. Hàng hóa bây giờ chỗ nào cũng đầy ắp. Và hiện tại đâu còn ai nghèo tới nỗi không rinh về nhà được nguyên một chai nước mắm, một bình dầu ăn hay một thùng mì gói. Nên các tiểu thương không còn phải ngồi rị mọ sốt từng chút mắm muối tương cà cho vào túi nilon, lấy dây thun cột chặt...

Quá khứ nghèo khó ời. Hãy ngủ yên nhé. Và đừng bao giờ thức dậy...

DÒNG SÔNG THƠ, NHẠC

Tôi chào đời bên dòng sông có cái tên rất “quê”: sông Gốm. Hình như nó chảy qua lò gốm hay một làng nghề làm gốm nào đó nên mang cái tên nôm na vậy.

Sông Gốm bé đến nỗi nhìn sang bên bờ sông bên kia, thấy rõ những bụi găng nở hoa trắng, bụi ruối um tùm. Các kỳ nghỉ hè về quê tôi thường đi tắm sông với các bà chị họ. Tôi ôm cây chuối, hoặc dùng quần làm phao, bơi cặp theo mé sông. Một lần chiếc quần vải đen cũ bị bục một chỗ, xẹp lép lúc tôi đang bì bõm trong làn nước lờ lờ phù sa. Trong cơn hoảng loạn, hai chân tôi đập nước điên cuồng. Bất ngờ tôi nhận ra mình... nổi trên mặt nước, tay vẫn cầm chiếc quần “phản chủ”. Vậy ra tôi đã... biết bơi. Từ đó, tôi không còn ngán dòng nước xiết ngầu đục màu bùn và sẵn sàng cùng các chị... bơi qua sông. Chúng tôi vào ruộng của bà con làng Trúc Chuẩn vặt trộm nào bắp, nào đậu xanh, đậu đen, không phải vì lòng tham mà vì tình nghịch. Bọn tôi buộc túm “chiến lợi phẩm” đội trên đầu, hí hụp bơi trở về. Cái trò trộm vặt của chúng tôi bị bà nội và thím tôi mắng cho một trận tơi bời, từ đó tôi... chữa hẳn.

Nhắc đến con sông quê hương bởi tôi đang sống ở một thành phố có dòng sông nổi tiếng chảy qua: sông Đồng Nai. Con sông này ngay những chỗ hẹp nhất cũng lớn hơn sông Gốm quê tôi nhiều, lại có vai trò đặc biệt quan trọng đối với đời sống kinh tế - xã hội của không chỉ tỉnh Đồng Nai mà cả các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Sinh thời, sau ngày từ miền Bắc “hồi hương” về quê, nhà văn Hoàng Văn Bồng có thời gian sống trong ngôi nhà ven sông Đồng Nai. Từ ngôi nhà xinh xắn của ông có thể nghe rõ tiếng sóng vỗ lóc bóc mỗi sáng mỗi chiều. Chúng tôi, những hội viên trẻ của Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Nai nhiều người đã từng đến ngôi nhà này. Không biết trong ngôi nhà xinh ven sông, được đón ngọn gió mát lành thổi rì rào qua hai mùa mưa nắng, chú Chín Bồng (tên gọi thân thương của nhà văn Hoàng Văn Bồng) viết những gì. Nhưng trong sự nghiệp văn chương đồ sộ của ông có tới mấy bộ tiểu thuyết đậm chất sử thi về vùng đất ven sông Đồng Nai, thậm chí ông tôn sùng dòng sông và gọi nó là “con sông linh thiêng”, như thể người Ấn thần tượng sông Hằng vĩ đại. Những trang viết về người nông dân của nhà văn tuyệt hay, đầy những hình ảnh sống động về vùng đất đầm phù sa, những nhân vật “Hai Lúa” mộc mạc, chân tình, sinh hoạt làng quê bình dị, chuyện tình yêu trai gái e ấp mà nóng bỏng trong kháng chiến...

Có một điều đặc biệt là các con sông lớn bé ở nước ta đều bắt nguồn từ nước ngoài, chảy vào lãnh thổ Việt Nam,

xuôi ra biển, duy nhất có sông Đồng Nai bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên. Sông có nhiều nhánh, len lỏi qua nhiều gành thác, chảy trên đất nhiều tỉnh thành miền Đông Nam bộ trước khi đổ ra biển. Vì xuất phát từ đất Việt nên sông Đồng Nai được giới khoa học gọi là con sông “nội sinh”.

Tôi đã nhiều lần ngắm sông Đồng Nai trong tất cả những trạng thái của nó, lúc nào cũng thấy dòng sông rất đẹp, một vẻ đẹp nở nang, tràn đầy sinh lực. Nếu ai đó nghĩ rằng sông đẹp phải có làn nước trong xanh như ngọc thì sông Đồng Nai hẳn không nằm trong số đó, vì ngay trong những ngày phẳng lặng, êm đềm nhất của mùa khô nước sông cũng không trong vắt. Nó có màu be hồng, bởi lẫn trong nước là tí tí hạt phù sa mà mắt thường cũng có thể nhìn thấy. Chính trữ lượng phù sa dồi dào của dòng sông đã đắp bồi nên vùng đất Đồng Nai trù phú, nổi tiếng cây ngọt trái lành.

Tôi yêu Biên Hòa - Đồng Nai dĩ nhiên là phải yêu dòng sông. Mà có lẽ không chỉ riêng tôi, nhiều người khác cũng vậy. Nếu không yêu sông đến đắm đuối, không xúc động đến tận đáy lòng, nhà thơ Xuân Sách và nhạc sĩ Trương Quang Lục sao có thể cùng nhau làm nên một ca khúc giai điệu thật dịu dàng, sâu lắng, lại có chút đượm buồn: *Man mác dòng sông Đồng Nai êm trôi, nghe tiếng hò ơ chiều vàng mênh mông*. Trong mắt tôi, sông Đồng Nai là con sông hiền hòa, nhu thuận. Nghe nói năm 1952 từng có một trận lụt lịch sử cuốn băng cả chợ Biên Hòa, khiến người

Đồng Nai đến giờ còn nhắc đến với nỗi kinh hoàng. Nhưng suốt mấy chục năm kể từ khi tôi đặt chân đến Biên Hòa thì sông Đồng Nai luôn hiền hòa, từ tốn. Nó êm đềm cả trong mùa khô nước chảy liu riu, cả trong mùa mưa ồn ào những cơn mưa bong bóng, thậm chí ngay cả trong những đợt mưa lũ, nước từ trên nguồn đổ về, sóng vỗ bờ oàm oạp. “Con sông linh thiêng” của nhà văn Hoàng Văn Bôn từ khai thiên lập địa đã cần cù dâng hiến phù sa không mệt mỏi, tạo nên những xóm ấp trù mật. Ven sông Đồng Nai có những vườn bưởi Tân Triều trĩu quả, ngon nức tiếng, và cũng đủ giống loại: bưởi ôi, bưởi đường lá cam, bưởi đường nùm, bưởi thanh... Và còn có nhiều làng nghề lâu đời như làng đá Bửu Long, làng gốm Tân Vạn, Hóa An, làng cá bè Tân Mai... Hơn ba thế kỷ, dân cư quần tụ ven sông, hình thành một vùng văn hóa đặc thù, hun đúc vun bồi nên tâm hồn, khí phách người Đồng Nai. Dòng sông lưu giữ dưới lòng sâu, trong những lượn phù sa hồng hào tầng tầng ký ức, giúp cho người đời sau hiểu quá khứ và dự cảm được tương lai.

Bây giờ bên sông Đồng Nai là đô thị Biên Hòa đông vui, tấp nập màu áo thợ, những khu công nghiệp bề thế nối tiếp nhau, những đại lộ dài rộng vươn ra mọi ngả. Thời quá vãng đã lùi rất xa, tưởng như chẳng còn gì neo lại với đời sống hiện đại. Nhưng không. Cù Lao Phố vẫn bảo tồn những giá trị vĩnh hằng của vùng đất được mệnh danh là vùng đất Phật. Vào dịp tết cổ truyền, thi thoảng trên sông

vẫn diễn ra những lễ hội đua thuyền tung bưng, trong số thuyền đua, có đội thuyền nức tiếng của làng Bến Gỗ. Sản phẩm gốm Đồng Nai vẫn tỏa đi khắp nơi và người thợ khéo tay vẫn cố gắng giữ gìn nét riêng cho sản phẩm của mình. Cầu An Hảo như cánh tay vươn ra nối hai bờ sông thay cho con đò mong manh gắn liền với quá khứ khổ nghèo, nhưng cái tên Bến đò An Hảo vẫn còn nguyên trong ký ức người Biên Hòa. Những địa danh Văn miếu Trấn Biên, Hiệp Hòa, Nhứt Hòa, Bình Quới, làng đá Bửu Long, rạch Lò Gốm... vẫn còn đó, nghe mộc mạc mà thương mến. Sông Đồng Nai đã góp phần hình thành nên những làng nghề ấy, kết tụ bề dày lịch sử và tinh túy của vùng đất phương Nam. Trên thượng nguồn, dòng sông như con ngựa chiến tung bồm qua ghềnh thác, chảy quanh co qua những xóm ấp của đồng bào Mạ, S'tiêng, Chơ ro, xuôi về hạ nguồn, tạo nên những bãi bờ xanh bát ngát...

Có thể nói, sông Đồng Nai là con sông thơ, sông nhạc. Bởi sóng nước mênh mang kỳ vĩ của nó là nguồn cảm hứng vô tận, là đề tài và chất liệu dồi dào cho sáng tác văn học, nghệ thuật. Từng có một vở kịch múa *Chuyện tình bên thác Trị An* lấy cảm hứng từ những vui buồn trầm tích bên sông mà một thời đoàn ca múa Đồng Nai lấy làm tiết mục đỉnh của đoàn. Nhạc sĩ Tôn Thất Lập đã viết ca khúc *Trị An âm vang mùa xuân* chào mừng ngày nhà máy thủy điện Trị An mở điện lần đầu, làm triệu con tim người Đồng Nai vỡ òa sung sướng. Tôi nhớ ca sĩ Ngọc Bích đã hát ca

khúc này bằng chất giọng ấm áp, giàu nội lực, hùng hực sức thanh xuân. Dòng sông Đồng Nai linh thiêng còn vì một lẽ. Không hiểu sao chỉ một khúc sông “ngấn chẳng tà gang” mà sinh ra tới bốn tác giả của những “tuyệt phẩm” tiêu biểu cho văn chương đẹp và lạ xứ “Đồng Nai khoai củ”. Đó là một điều bí ẩn, bí ẩn của đất, của nước, của rất nhiều yếu tố kết tụ thành “địa linh nhân kiệt”. Trong bốn văn tài gồm Bình Nguyên Lộc, Huỳnh Văn Nghệ, Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bốn, tôi biết hai người sau. Ông Bình Nguyên Lộc tôi chỉ nghe tên và những tác phẩm của ông như *Đò dọc*, *Nhốt gió*. Tôi cũng chưa từng được gặp người chiến binh huyền thoại Huỳnh Văn Nghệ làm thơ trên lưng ngựa, nhưng tôi thuộc nằm lòng những câu thơ bất hủ của ông: *Từ độ mang gươm đi mở cõi. Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long*. Nhà văn Lý Văn Sâm chuyên viết “Truyện đường rừng” và nhà văn Hoàng Văn Bốn với những thiên tiểu thuyết đậm chất sử thi về “Miền đất ven sông” thì tôi may mắn được biết khi các ông làm việc ở Hội Văn học Nghệ thuật Đồng Nai. Hai ông lão hom hem gầy gò, bao nhiêu tinh lực dồn cả vào văn chương. Họ thật sự đã có những đóng góp quý báu cho sự nghiệp văn hóa của xứ Đồng Nai. Đến nay, hai nhà văn đã đi xa hơn chục năm nhưng bóng hình và tâm hồn của hai ông thì vẫn còn đây, thấm đẫm, hiển hiện trong những trang văn, trong tưởng nhớ của những người ở lại.

Ngoài các văn tài, vùng đất ven sông Đồng Nai còn sản sinh ra nhiều tướng lĩnh nổi tiếng về tài thao lược trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ...

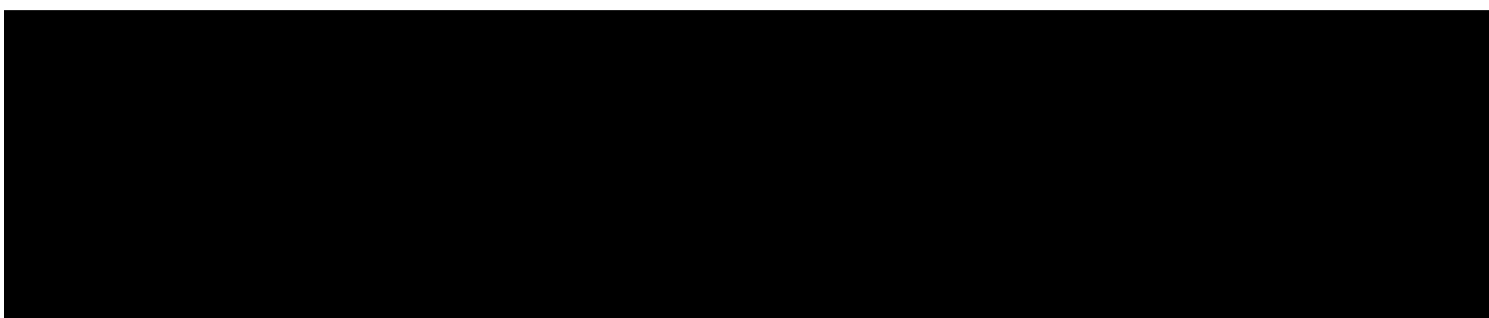
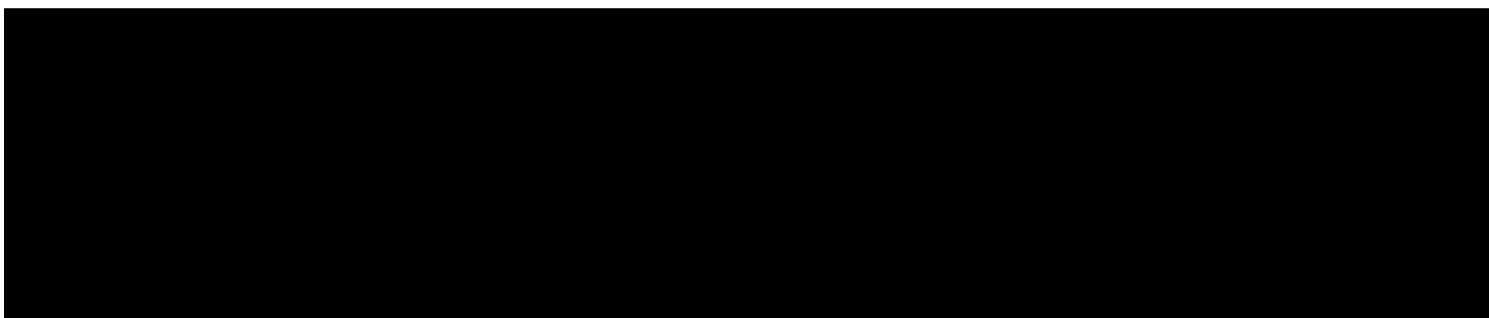
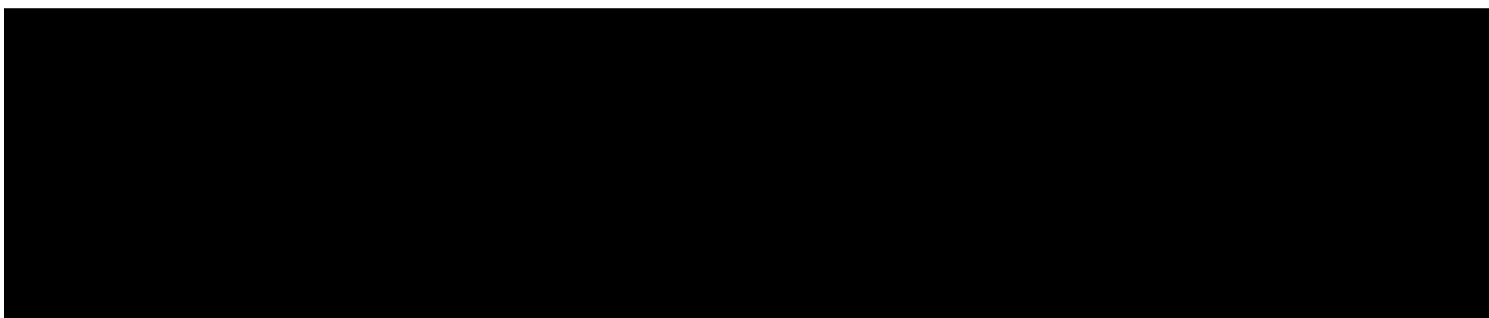
Có một kỷ niệm vui của tôi với sông Đồng Nai. Hồi đó đạo diễn Lê Văn Duy làm một cuốn phim tài liệu về Đồng Nai, qua giới thiệu của nhà văn Nguyễn Đức Thọ, ông mời tôi và một cô bé học sinh trường văn hóa nghệ thuật làm “diễn viên”. Chúng tôi xuống thuyền vào một ngày nắng ráo, ngược lên thượng nguồn sông Đồng Nai. Công việc “diễn xuất” của tôi là đóng vai một cô giáo đưa tay chỉ bờ dứa nước và cây cối xanh um bên sông, giảng giải cho cô học trò hiểu điều gì đó. Tất cả chỉ có vậy. Tôi cứ ngỡ mình sẽ “diễn” ngọt sớt. Nào ngờ phải thực hiện tới mấy lần. Nhà văn Nguyễn Đức Thọ ngồi tênh tênh trên mũi thuyền, thấy tôi diễn xuất một cách ngô nghê, mặt cứng như gỗ vì quá hồi hộp thì bật cười sằng sặc. Phim quay xong, tôi năn nỉ anh Lê Văn Duy cho tôi... nghĩa qua hình ảnh của mình chút xíu, xem thử tôi có... ăn hình không... Vừa nhìn vào cái màn hình nhỏ xíu nơi ống kính máy quay, tôi đã gần như... chết lạng! Chỉ thấy một gương mặt gầy vêu vao, nụ cười gượng gạo, đúng kiểu cô giáo bị... cháy giáo án! Từ lần đóng phim bất đắc dĩ ấy, tôi bỏ ngay tham vọng trở thành... minh tinh màn bạc.

Sau lần đóng phim bất đắc dĩ, tôi còn đi dọc sông Đồng Nai, ngang qua quê hương của nhà văn Hoàng Văn

Bốn, Lý Văn Sâm trên con tàu du lịch bông bênh của Công ty Tín Nghĩa. Tôi đứng ở mũi tàu, mặc cho gió xối tung làn tóc và làm hai mắt cay sè, tâm hồn ngập tràn sự ngưỡng mộ nhiệt thành đối với các bậc tài danh mà tôi vẫn quen gọi thân mật là chú Chín, chú Hai. Hôm ấy sao mà nhiều nắng, nhiều gió. Ngõ như nắng gió cũng ngạt ngào hương vị phù sa, và tôi cảm nhận ngay dưới chân mình là dòng sông thao thiết chảy...

Một nhà thơ đến từ Gia Lai có lần nói rằng đặc sản của Đồng Nai là... lịch sử. Câu nói thoạt nghe có vẻ hơi kỳ kỳ, ngẫm ra thấy đúng. Lịch sử của Đồng Nai là lịch sử của những chiến công vang dội thời kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, như chiến thắng sân bay Biên Hòa, những trận đánh chìm tàu chiến Mỹ của đặc công nước trên sông Lòng Tàu, chiến dịch đập tan cánh cửa thép Xuân Lộc... Những trận đánh lừng danh ấy được ghi dấu qua những tượng đài lớn nhỏ ở Biên Hòa, Chiến khu Đ, Nhơn Trạch, Xuân Lộc, Long Khánh... Lịch sử của xứ Đồng Nai cũng là lịch sử của đất đỏ bazan và rừng cao su, lịch sử của những làng nghề, của tiếng chuông nhà thờ gióng giả ngân vang, của mái cong đình chùa đèn miếu, lịch sử của sự dung hợp những sắc màu văn hóa và của tinh thần bao dung nghĩa hiệp *Nước sông trong chảy lộn sông ngoài. Thương người xa xứ lạc loài đến đây.* Và còn vô vàn những điều khác khiến cho Biên Hòa - Đồng Nai trở thành xứ sở của hội tụ,

giao hòa của khát vọng bay cao bay xa... Biết bao điều quý giá đã hình thành, kết tụ bên dòng sông Đồng Nai xinh đẹp, dòng sông chảy qua ký ức của bao người, chảy qua cả hiện tại và tương lai.



TRẦM MẶC CÙ LAO PHỐ

Với người Biên Hòa, Cù lao Phố là một cái tên thân thương dùng để chỉ doi đất xanh um nằm “xoài dài giữa hai cánh tay sông” Đồng Nai, như có người từng mô tả.

Riêng cá nhân tôi, sau mấy chục năm vẫn chẳng phân biệt nổi bên kia sông Đồng Nai đâu là ranh giới của các xã Hiệp Hòa, Tân Vạn, Hóa An, cứ ở bên kia sông là tôi gọi... Cù lao Phố tuốt.

Tôi yêu Cù lao Phố không phải ngẫu nhiên. Cơ duyên bắt đầu vào hôm tôi đi quay một đoạn video clip về sông Đồng Nai. Trong khi chui rúc trong những khu vườn âm u thiếu ánh nắng, những ngôi mộ cổ trầm mặc màu rêu xưa cũ, tôi bỗng phát hiện ra vùng đất ven sông này rất huyền bí và hấp dẫn. Nó như người thôn nữ xinh đẹp cả đời giấu mình trong nếp sống quê kiểng, hoàn toàn không biết mình có sức cuốn hút...

Lần ấy, sau khi đã quay kha khá cảnh cù lao, tôi và Nam - anh đồng nghiệp trẻ vác máy quay rủ nhau vào nghỉ chân ở một quán cà phê ven sông “ngồi đồng”. Trưa nắng, quán nhỏ bài trí giản dị, rí rả giọng ca sĩ nào đó đang hát nhạc Trịnh. Chúng tôi cùng hướng mắt ra sông. Khúc sông này người Biên Hòa gọi là sông Cái, nước lặng và trong, ven bờ cây cối rả xuống tận mép nước. Tôi chợt nhớ nhà văn Hoàng Văn Bôn sinh thời từng gọi sông Đồng Nai là “Con sông linh thiêng”, trên khúc sông chảy qua nơi⁽¹⁾ nhà văn đã cất tiếng khóc chào đời. Lúc này, nhìn dòng sông phẳng lặng dưới ánh nắng vàng ươm như mật, tôi tự hỏi, không biết ba trăm năm trước, sông Đồng Nai như thế nào? Nó có lớn và đẹp như bây giờ? Phải mất mấy triệu năm để nó bồi đắp phù sa, tạo nên hòn cù lao “nằm xoài dài giữa hai cánh tay sông” mà có người ví von rất “thiên” rằng nó có hình dáng như chiếc chuông chùa treo nghiêng? Hay là một biến động địa chất mãnh liệt nào đó đã tạo nên cái cù lao chia cắt con sông thành hai dòng chảy, để rồi một nhà thơ đã thốt lên đầy cảm xúc *Phải giận hờn mà sông chia đôi ngã. Đi chưa xa thương nhớ lại chung dòng?*

Một chiếc ca nô bỗng xé nước chạy vụt qua chỗ chúng tôi. Nó lao nhanh đến nỗi tôi không kịp dùng chiếc ipad ghi lại hình ảnh của nó. Dòng sông hơi xao động rồi trở lại về

1 Nhà chú Bôn bên này sông - làng Bình Long, nay là xã Bình Long huyện Vĩnh Cửu. Bên kia sông là Tân Uyên - Bình Dương hiện nay.

êm đềm, chỉ có ánh nắng lấp lóa nhảy nhót đùa giỡn cùng sóng nước. Tôi lại miên man nghĩ đến Cù lao Phố. Theo sử sách, thế kỷ 18, vùng đất này còn hoang vu, ca dao mô tả là “dưới sông sáu lội, trên giồng cạp um”. Người Việt và cộng đồng người Hoa đã đổ mồ hôi và xương máu khai phá, biến cù lao thành một thương cảng tấp nập, phồn thịnh vào bậc nhất Nam Bộ. Trong tác phẩm *Gia Định thành thông chí*, nhà văn hóa Trịnh Hoài Đức đã miêu tả Cù lao Phố “Phố xá mái ngói tường vôi, lầu cao quán rộng... đường phố lót đá trắng... ghe thuyền lớn ở biển và ở sông đến đậu neo, có những sà lan liên tiếp nhau...”

Sự hưng thịnh của Cù lao Phố không chỉ vang danh trong nước mà còn vượt ra ngoài biên ải.

Nhưng Cù lao Phố như cô gái đẹp truân chuyên, muốn sống yên cũng không được. Nạn binh đao triền miên giữa nhà Tây Sơn và Nguyễn Ánh khiến muôn dân khốn khổ. Người Hoa dần theo nhau bỏ cù lao về Chợ Lớn, thương cảng sầm uất mỗi ngày một lụi tàn, thời kỳ hưng thịnh chỉ còn là hồi quang của một thời quá vãng không bao giờ trở lại.

Tôi nhìn theo cụm lục bình đang bình thản trôi xuôi, không sao hình dung nổi cuộc sống bên bờ sông này từng có thời kỳ vàng son, rồi tao loạn, rồi trở nên bình dị như bây giờ.

Cù lao hiện tại mang dáng vẻ nửa phố nửa quê. Những ngôi nhà kiến trúc tân kỳ đan xen những nếp nhà cũ kỹ rêu phong nép mình trong những vườn cây u hoài trầm mặc. Trường học, hàng quán, chợ... tất thảy đều khiêm nhường, dân dã. Duy có những đình đền miếu mạo thì thật phong phú, đa dạng. Thật hiếm có vùng đất nào trên đất nước Việt Nam lại có mật độ di tích văn hóa dày đặc như Cù lao Phố. Trên một diện tích khoảng 600ha có tới 03 di tích lịch sử cấp quốc gia và 01 di tích cấp tỉnh, 11 ngôi đình, đền còn giữ được sắc phong của nhà Nguyễn, 40 ngôi mộ hợp chất đã được điều tra, nghiên cứu. Bên cạnh đó, tín ngưỡng của người Cù lao Phố cũng khá phong phú, nào đạo Phật, đạo Nho, Cao Đài, Hòa Hảo... Những công trình văn hóa, tín ngưỡng còn lại với thời gian trên mảnh đất cù lao lưu giữ rất nhiều điều bí ẩn. Tôi đã có lần đến dự buổi ra mắt sách của cô bạn văn ở một khu du lịch sinh thái mới mở, ngay bên cạnh ngôi đình có cái tên đẹp là đình Bình Quan, an nhiên tự tại giữa cây cỏ hoa lá tốt tươi.

Nằm ngay bên bờ sông Đồng Nai là đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh. Trong đền có đôi liên bằng chữ Nho khắc chìm vào tường, chánh điện với nhiều cột gỗ lớn, hoành phi câu đối có hoa văn chạm khắc sơn son thếp vàng. Trước bàn thờ thần là cặp hạc và cặp rồng bằng đồng. Có lẽ chỉ có một chi tiết ở đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh không giống với những di tích khác, đó là một tủ kính nhỏ đựng áo mào, tương truyền là của Đức Ông lúc sinh thời.

Qua nhiều lần trùng tu, nâng cấp, kiến trúc đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh đã “hiện đại hóa” nhưng vẫn là nơi linh thiêng, thờ phụng một danh tướng lỗi lạc của nước Việt. Trong đền thờ có nhiều câu đối ghi khắc tài năng và công lao của ông đối với việc hình thành dải đất phương Nam:

Đẹp Chiêm Thành, sắp đặt Cao Miên, làm tướng, làm thần vinh sống thác.

Dân Ngũ Quảng mở mang lục tỉnh, dày công, dày đức tạc non sông.

Định rừng núi sông, lương dân đều được hưởng.

Mở mang bờ cõi, thiên hạ thấy chung nhờ.

Trước đây tôi hay đi dự liên hoan đờn ca tài tử ở đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh. Những đêm có món ăn tinh thần “ruột” của đất Nam Bộ, bà con cù lao đến thật đông, ngồi tràn ra cả lối đi. Tiếng đờn ghita phím lõm, đờn nhị réo rắt, giọng ca tài tử ngọt như đường phèn của những nghệ nhân xiêm áo rộn ràng khiến người ta nôn nao như sống lại thời quá vãng. Đồng Nai không phải là cái nôi của đờn ca tài tử Nam Bộ, nó được lan tỏa từ miền Tây và cũng trải qua bao nổi thăng trầm, thịnh suy cùng với những biến thiên của lịch sử. Những người yêu đờn ca tài tử ở Đồng Nai không xa lạ với tên tuổi những nghệ nhân nổi danh như Ba Nhị, Bảy Cần, Năm Chơn, Năm Cơ... Đầu thập niên 1990, loại hình này thoái trào trước sự lấn lướt của những dàn nhạc điện tử xập xình nhưng vẫn có những người như ông Phạm Lơ nguyên Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa tinh chết sống

với đàn ca tài tử. Ông mở lớp truyền dạy, tận tâm dìu dắt lớp trẻ, nỗ lực duy trì các câu lạc bộ đàn ca tài tử ở Biên Hòa, cho mãi tới khi cao tuổi ông mới “rửa tay gác kiếm”. Dù đàn ca tài tử không còn rầm rộ như xưa, nhưng loại hình sinh hoạt văn hóa đậm dấu ấn Nam Bộ này vẫn là vốn quý, lưu giữ các giá trị nghệ thuật, giá trị văn chương, thẩm mỹ và cả đạo đức xã hội.

Trong đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh ánh sáng lung linh, khói hương huyền ảo, tôi kính cẩn thấp nhang cho Đức Ông trong cảm xúc băng khuâng khó tả. Đức Ông không có tượng thờ trong đền nhưng có một bức tượng khá đẹp dựng trước cửa đền, mặt nhìn ra sông. Bức tượng không lớn nhưng dáng vẻ uy nghiêm, một tay cầm đốc kiếm, tay kia vuốt râu, trông ung dung tự tại mà vẫn toát lên nét uy lâm của một vị tướng văn võ song toàn. Quanh năm, Đức Ông được hưởng làn gió mát lành mang hương vị nồng nàn của phù sa từ sông Đồng Nai thổi vào.

Phần mộ (mộ gió) của Nguyễn Hữu Cảnh nằm giữa vườn cây rợp mát, trong sự ôm ấp triu mến của đất đai, nắng gió Cù lao Phố. Hẳn người anh hùng cũng an lòng khi cảm nhận được tình yêu, sự thành kính sâu sắc mà hậu thế giành cho mình.

Cách đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh chừng vài trăm mét là chùa Ông do người Hoa xây dựng để thờ Quan Công và hệ thống phúc thần của người Hoa. Chùa có bề ngoài và nội thất khá bề thế, lộng lẫy, với lối kiến trúc đặc thù của

người Hoa. Trong chùa thờ Quan Công, Thánh mẫu, Kim Hoa nương nương và nhiều vị thần khác như Châu Xương Tướng Quân, Quán Thánh Thái tử... Chùa mới được nhận bằng công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia ngày 17/4/2010. Có năm, tôi đến cúng chùa vào lúc 1 giờ sáng mừng một tết. Mới đến cổng đã nghe tiếng nhạc Hoa réo rất tươi vui, người đi chùa đông như trẩy hội, trong chùa nhang khói mờ mịt. Việc mỗi năm có hàng ngàn khách hành hương đến chùa Ông cúng tế cho thấy người Việt có tấm lòng rất cởi mở, bao dung, không phân biệt người Hoa hay người Việt, dung nạp cả văn hóa, tín ngưỡng của những vùng đất khác, thờ phụng cả thánh thần của người như thánh thần của mình.

Chùa Đại giác là một công trình kiến trúc tuyệt đẹp của người Việt, tiêu biểu cho vẻ đẹp của chùa phương Nam. Ngay lối vào chùa có cây bồ đề to lớn vững chãi có lẽ đã hàng trăm năm tuổi. Cây bồ đề tỏa bóng mát xuống pho tượng Đức Phật bằng đá cẩm thạch với nụ cười bí ẩn, dáng ngồi kiết già trầm mặc. Trước cửa chánh điện là pho tượng Phật Bà ở tư thế đứng, toàn thân toát lên vẻ cao nhã, những nếp áo mềm mại như tơ lụa buông rủ. Kiến trúc chùa Đại giác theo kiểu chữ “đình” có lầu chuông, lầu trống, các mái lợp ngói vẩy cá cong vênh lên một cách duyên dáng. Trong chùa có nhiều bức hoành phi sơn son thếp vàng, khắc chạm hoa văn tinh xảo. Chính giữa chánh điện có Phật Bà theo mô típ Phật Bà nghìn mắt nghìn tay

ở chùa Bút Tháp - Hà Bắc. Đặc biệt, chùa Đại giác còn giữ được những di vật mang ý nghĩa lịch sử quý giá như pho tượng Phật A-Di-Đà của vua Gia Long tặng và bức hoành phi có dòng chữ “Đại giác tự” do công chúa Nguyễn Thị Ngọc Anh cúng chùa năm 1820.

Chùa Đại giác có vị sư trụ trì là Sư Thanh tuổi ngoài bốn mươi. Vài lần gặp gỡ, đàm đạo chuyện đời, chuyện người, Sư để lại cho tôi thiện cảm về một bậc chân tu thời @, có phong cách trẻ trung, cởi mở đậm chất Nam Bộ. Từ nhiều năm nay, Sư Thanh và chùa Đại giác nổi tiếng với những hoạt động từ thiện không chỉ trong tỉnh mà gần như rải khắp toàn quốc. Vị thế ngôi chùa vì thế mà càng vang danh.

Những ngày la cà luồn lách trên những ngõ xóm quanh co ở Cù lao Phố đã cho tôi cảm nhận xác thực về mảnh đất này. Khí hậu ôn hòa, đất đai màu mỡ, mật độ di tích lịch sử văn hóa dày đặc, bước đi trên Cù lao Phố là bước đi trên huyền thoại. Biết bao trầm tích trên doi đất giữa dòng sông đến nay vẫn ẩn hiện trong lớp sương mù bí mật, chưa được khai mở. Cù lao Phố như viên ngọc ẩn trong đá, nhưng dường như lớp đất đá đè lên nó ngày càng nặng hơn, dày hơn. Trăn trở vì nỗi lo không của riêng ai, tôi nhiều lần trở đi, trở lại Cù lao Phố. Có hôm, tôi ngồi hàng giờ ở chùa Đại giác nói chuyện với Sư Thanh hay đến chùa Ông và đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh ngồi suy tư, lắng nghe tiếng nói từ sâu thẳm lòng mình. Trái bao dâu bể, dấu vết thời vàng

son đã nhạt nhòa nhưng những huyền thoại về vùng đất Phật vẫn còn lay động tâm thức bao người.

Dòng sông Đồng Nai trước mặt chúng tôi lúc này đang bình thản trôi xuôi, thanh lọc những xô bồ bụi bặm của thành phố công nghiệp, mang lại cho Cù lao Phố vẻ yên bình, nửa phố nửa làng. Bên sông, nhiều giá trị đã trôi vào dĩ vãng. Nhưng những địa danh thân thương với người Biên Hòa như Bình Quới, bến đò Kho, rạch Lò Gốm, Hiệp Hòa, Nhứt Hòa... thì vẫn trường tồn. Những chủ nhân mới của Cù lao Phố đến từ bốn phương tám hướng, sống quần tụ, hòa quyện, làm nên sự đa sắc trong lối sống, văn hóa xứ cù lao... Ai đến đây cũng có thể nghe đờn ca tài tử, hát quan họ giao duyên, ca bài chòi trên du thuyền hay thưởng thức vị ngọt lành của trái cây trong vườn. Cù lao Phố với tầng tầng trầm tích, đời sống dung dị của người dân, mùa vu lan báo hiếu, lễ hội cúng đình tưng bừng hay không khí náo nức của lễ hội đua thuyền trên sông và cả những món ăn dân dã, đặc sắc... chính là vẻ đẹp hấp dẫn của vùng đất này...

BÂNG KHUÂNG *THÀNH CỔ*...

Cái tật hiếu kỳ (tật này xem ra nhiều người mắc) của tôi đôi khi cũng được việc. Vì nó giúp tôi phát hiện ra nhiều sự vật có giá trị, ít ra là đối với tôi. Những cái gì xưa cũ, bị bỏ quên lâu ngày hay có vẻ như sắp bị bỏ quên đều thu hút tôi. Bởi vậy, hồi còn làm việc ở ngành văn hóa, khi được chuyển đến cơ sở 2 ngay gần di tích Thành Kèn Biên Hòa, tôi không thể bỏ qua cái vật chứng lịch sử nhìn bên ngoài đồ nát, dây leo mọc đầy trên tường, hứa hẹn chứa đựng những điều bí mật hấp dẫn những kẻ ưa phiêu lưu mạo hiểm.

Từ phòng làm việc của tôi có thể nhìn rõ Thành Kèn, kiến trúc lạ lẫm của tòa nhà khiến nó khác biệt hẳn những ngôi nhà tân kỳ dựng lô xô như bát úp xung quanh. Ngôi nhà này chính là nhà cổ phía Tây, một trong những dấu vết kiến trúc hiện tồn rõ nhất của di tích Thành cổ Biên Hòa...

Và tôi đã lần la tìm hiểu nó qua những người bạn có nhiệm vụ quản lý, bảo vệ di tích này.

Một buổi chiều, chị Phan Thị Thịnh, bây giờ nghỉ hưu rồi, còn ngày ấy đang là Phó Ban quản lý di tích - Danh thắng tỉnh Đồng Nai dẫn tôi đi tham quan toàn bộ Thành cổ Biên Hòa. Chúng tôi quan sát ngôi nhà cổ từ góc sân, khoảng cách chừng vài chục mét. Dưới ánh nắng cuối thu, tòa nhà bình thản đứng đó, hai chiếc ống khói nhô cao trên nền trời trong xanh. Trên mái ngói, những lùm cây cỏ xâm thực bám rễ xanh um. Chị Thịnh cho biết, tòa nhà được xây bằng những tảng đá ong lớn, loại đá gần như chỉ có duy nhất ở Biên Hòa. Thuở xa xưa, có hàng trăm điểm khai thác đá ong (dân địa phương gọi là chòi đá ong) quanh Biên Hòa, đặc biệt là các làng Bình Đa, Tân An, Tân Bản, Nhứt Thanh, Phước Long, Phước Kiển... Bây giờ, trải qua thời gian mưa nắng, những khối đá ong vuông vức lở chỗ đã biến đổi, chuyển thành màu nâu sậm.

Quan sát bên ngoài chán chê, chúng tôi bắt đầu chui sâu vào bên trong nhà cổ, hơi rờn rợn vì khứu giác chạm phải một thứ mùi xa vắng, cũ kỹ tỏa ra từ khắp xung quanh. Thật ngạc nhiên là nhìn bên ngoài ngôi nhà trông bít bùng như pháo đài nhưng bước vào bên trong, ta vẫn cảm nhận được ở đây rất thông thoáng. Những vòm cửa hình cánh cung cao khoảng 3m liên kế nhau tạo nên nét thanh thoát của kiến trúc, hiện tại các ô cửa đều bị người đời sau lấp kín bằng đá ong. Gạch xây nhà là loại gạch thẻ, nền nhà được lát bằng gạch hình lục giác, mái lợp ngói Tây. Ở một góc tòa thành còn có dấu vết của một cái giếng cổ đã bị đất

lắp đây. Trần của tòa nhà gồm những tấm thép hình chữ nhật chiều dài khoảng hai mét, chiều rộng gần một mét, đứng từ dưới nhìn lên thấy tấm nào cũng hơi uốn cong.

Hai chúng tôi dò dẫm tìm chỗ đặt chân trên những bậc cầu thang sắt cũ kỹ, đã mục tới mức vừa động tới, sắt mủn ra, rơi rào rào. Tuy vậy, đường lượn của chiếc cầu thang vẫn khá mềm mại duyên dáng, những tay vịn đều được chạm trổ hoa văn rất đẹp và “không đụng hàng”. Rõ ràng là người Pháp luôn chú trọng yếu tố trang trí ở các công trình xây dựng dù là một tòa thành với chức năng bố phòng. Tầng trên của ngôi nhà cổ cũng giống như tầng trệt, bao gồm nhiều căn phòng từ lâu bỏ trống, không gian nội thất được phân chia bằng những bức tường. Những căn phòng bí bưng, kín như bưng, trên cao có trần cửa tò vò và chấn song sắt. Chị Phan Thị Thịnh giải thích, trước giải phóng, có thời kỳ, Mỹ ngụy đã dùng những căn phòng u tối này để giam cầm tra tấn các chiến sĩ cách mạng. Dây hành lang bao quanh hình chữ U giúp khu nhà tiếp nhận tối đa ánh sáng trời đồng thời về kỹ thuật, tạo cho khu nhà vẻ thanh thoát mà lại thuận tiện cho sinh hoạt.

Tôi nhiều lần ra sân đứng dưới gốc bàng xanh um, ngắm Thành cổ Biên Hòa. Trong lòng tôi bồi hồi với ý nghĩ nơi đây in dấu biết bao điều phi thường. Hẳn những người Pháp đầu tiên xâm lược nước ta đã không hình dung nổi sự kháng cự kiên cường của một dân tộc nhỏ bé nghèo nàn lạc hậu mà chúng vẫn khinh miệt gọi là “dân An Nam”.

Theo sử sách, Thành Kèn ra đời như một tất yếu lịch sử, xuất phát từ yêu cầu bảo vệ vùng lãnh thổ bao la phía Nam của Tổ quốc. Thành có từ thời vua Minh Mạng, ban đầu được đắp bằng đất sét, dân gian gọi bằng cái tên nôm na là “Thành Cự” nghĩa là thành do triều đình xây. Đến năm 1837, thành được xây lại bằng đá ong. Đây chính là công trình phòng thủ quân sự của triều Nguyễn chung cho cả vùng miền Đông Nam Bộ rộng lớn (ngày nay bao gồm các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận và một phần đất của Thành phố Hồ Chí Minh).

Dưới thời vua Minh Mạng, thành lũy bố phòng trên đất nước ta đều xây dựng theo kiến trúc Vauban, Thành cổ Biên Hòa cũng không là ngoại lệ. Những bức tường cao, dày, có cạnh zích zắc để súng đạn bên trong bắn ra được dễ dàng. Với cách tính ngày nay thì tổng diện tích của Thành Biên Hòa là trên 10.000m². Quy mô chỉ xếp sau Thành Gia Định. Khi được bổ sung thêm nhiều hạng mục, thành Biên Hòa trở thành hệ thống phòng thủ liên hoàn. Dọc sông Đồng Nai và sông Lòng Tàu, triều đình cho dựng nhiều rào cản tàu chiến bằng kè đá và gỗ rất chắc chắn, ngoài ra còn dựng rất nhiều đồn trại hai bên bờ, những căn cứ xa hơn như Mỹ Hòa, Thạch Hãn đều có lũy ngầm, dọc các kênh rạch cũng có chướng ngại vật ngăn giữ...

Thành cổ Biên Hòa là vật chứng sinh động của một giai đoạn lịch sử bi tráng, ghi dấu những biến cố lớn về

chính trị, văn hóa xã hội của nước Việt, nổi bật là sự kiện nước ta bị thực dân Pháp xâm lược. Khi ấy thực dân Pháp đã lo ngại vì hiểu rõ Thành Biên Hòa tuy nhỏ bé nhưng là nơi tập kết của quan quân nhà Nguyễn, có hệ thống phòng ngự khá kiên cố, vững chắc. Sách giáo khoa môn lịch sử lớp 11 xuất bản tại Sài Gòn trước năm 1975 ở mục “Quân Pháp đánh Biên Hòa và Vĩnh Long” có viết “Cuối năm 1861, Charner xin nghỉ về Pháp, Bonnard sang thay. Ông ta thấy tình hình lộn xộn quá nên dùng chiến thuật “vết dầu loang” để mở rộng khu vực chiếm đóng”. “Tình hình lộn xộn” đây chính là nói đến không khí sôi sục chống Pháp không chỉ của triều đình mà cả của nhân dân Biên Hòa nói riêng, nhân dân Nam Bộ nói chung. Pháp đã cho hai đạo quân được trang bị tối tân đánh chiếm Biên Hòa.

Triều đình nhà Nguyễn đã chống giữ quyết liệt nhưng lực lượng quá chênh lệch, như trứng chọi đá nên quan quân đã phải rút chạy về Phú Phước Tuy. Giặc Pháp tràn vào, làm chủ Thành Biên Hòa, chiếm được 48 khẩu đại bác, 16 pháo thuyền, một kho gỗ quý và nhiều chiến lợi phẩm khác. Chúng phá bỏ thành cũ, xây dựng thành mới theo dạng đồn trại, nhỏ hơn, diện tích chỉ bằng 1/8 thành cũ, đặt tên là thành Săng Đá, phiên âm từ chữ Pháp Soldat tức là “Thành lính”. Do mỗi sáng lính trong thành đều dùng kèn hiệu Clairon báo thức, dân Biên Hòa dần gọi thành Săng Đá bằng cái tên nôm na là Thành Kèn. Ngoài việc thu hẹp diện tích thành cổ, thực dân Pháp cho xây dựng thêm

nhiều hạng mục bên trong thành như hai ngôi biệt thự ở phía Tây Bắc và Đông Nam dành cho bọn sĩ quan Pháp ở, doanh trại, nhà thương...

Như vậy, Thành Biên Hòa là nơi in những dấu chân xâm lược đầu tiên của thực dân Pháp ở miền Đông Nam Bộ. Trong các giai đoạn lịch sử về sau, ngôi thành gắn với những sự kiện lịch sử bi hùng như trận đánh của nghĩa sĩ Hội kín Lâm Trung Trại chống thực dân Pháp ngày 14/2/1916. Cuộc nổi dậy chống ngoại xâm bất thành, nhiều nghĩa sĩ bị quân Pháp bắt giam, xử tử hình nhưng sự hy sinh anh dũng của các nghĩa sĩ được nhân dân Biên Hòa hết lòng tôn vinh, ngưỡng mộ.

Thời kỳ 1954 - 1975, Thành Biên Hòa được chính quyền Việt Nam Cộng hòa giữ nguyên và sử dụng lại các hạng mục. Từ 30/4/1975 đến nay, ngôi thành được tỉnh Đồng Nai tiếp quản, bố trí làm nơi làm việc của các cơ quan nhà nước. Một số nhà văn hậu thế đã viết tiểu thuyết, hồi ký, truyện ngắn có sử dụng chất liệu là các sự kiện lịch sử chấn động xung quanh sự hiện diện của tòa thành Biên Hòa.

Ngoài nhà cổ phía Tây, phần di tích hiện tồn của Thành Kèn còn có ngôi biệt thự phía Đông, một số đoạn tường thành, lô cốt, kỳ đài... Những đoạn tường đá ong và lô cốt phủ kín dây leo, lối chui ra chui vào lô cốt nhỏ hẹp, chỉ khoảng chưa đầy một mét. Ngôi nhà cổ phía Đông là biệt thự dành cho sĩ quan Pháp ở có một trệt, một lầu, cầu thang gỗ dù đã trải gần hai thế kỷ vẫn rất chắc chắn, tay vịn

chạm trở rất cầu kỳ, hoa mỹ. Các phòng trong khu biệt thự đều đã được bố trí thành cơ sở 2 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Một thời gian dài bên hông Thành Kèn có một quán cà phê xinh đẹp như một chấm xanh mát dịu trong những mùa nắng lửa của thành phố công nghiệp. Ở quán cà phê này đã diễn ra các cuộc hội thảo, hội thi, triển lãm, những sinh hoạt văn hóa văn nghệ liên quan đến lịch sử, văn hóa và về Thành Biên Hòa... Nhiều đoàn học sinh, sinh viên, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, Đài HTV đã đến tham quan nhà cổ, đánh thức sự tĩnh lặng hàng thế kỷ của nó. Tôi cũng từng ngồi quán cà phê này với bạn bè, vừa nhâm nhi ly chanh nóng (tôi không dùng cà phê) vừa nghĩ về những điều kỳ lạ của Biên Hòa. Ngoài Thành Kèn, khu dân cư nhỏ bé nằm sâu trong những con hẻm bình dân của phường Quang Vinh còn có những sự vật, hiện tượng khác khiến tôi ngạc nhiên. Ví như sự hiện diện của ngôi chùa một cột màu trắng, giống hệt chùa Một Cột ở Hà Nội, chỉ kích thước nhỏ hơn. Tôi đã đứng nhìn nó khá lâu, tự hỏi vì sao trong một hẻm phố vô danh của Biên Hòa lại có ngôi chùa nhắc nhớ đến thủ đô ngàn năm Văn Hiến? Ai đã mang ngôi chùa độc đáo, một trong những biểu tượng của Hà Nội vào đây?

Tôi mang điều thắc mắc đi hỏi. Câu trả lời đến từ một người dân Biên Hòa: Trong quá trình khai sơn phá thạch vùng đất mới, những lưu dân miền Bắc xây chùa Một Cột,

đền thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (Trần Hưng Đạo), Đền Hùng ở phường Bình Đa... để đỡ nhớ quê hương nguồn cội. Ngày giỗ tổ đền Hùng, một góc thành phố Biên Hòa nao nức trong không khí lễ hội với đủ mọi sinh hoạt gợi nhớ thời quá vãng: nấu bánh chưng, giã bánh dày, chơi kéo co, hát múa, rước kiệu... Trong đền thờ vua Hùng, những bóng áo dài nâu sồng sì sụp khăn vái, rì rầm cầu nguyện. Khung cảnh gợi nhớ nao lòng những tiết xuân xưa. Tôi chợt hiểu, xây dựng những cơ sở thờ tự, tổ chức các sinh hoạt văn hóa, nghi thức cúng tổ tiên chính là cách thể hiện nỗi nhớ thương nguồn cội, niềm tự hào dân tộc của những người vì cuộc sinh tồn đã rời khỏi quê hương bản quán đến với vùng đất cực Nam của Tổ quốc. Người Việt ở trong nước hay nước ngoài đều vậy: luôn đau đáu hướng về gốc rễ và tự hào về quê hương mình.

Non hai thế kỷ dầu dãi nắng mưa, việc Thành Biên Hòa còn “sót” lại sau bao thăng trầm của lịch sử là điều kỳ diệu và rất may mắn cho tỉnh Đồng Nai nói riêng, cho cả nước nói chung. Dù thành cổ có bị bàn tay của thực dân Pháp làm biến đổi ít nhiều, nhưng tòa thành vẫn là một di tích đánh dấu tinh thần chống giặc ngoại xâm của triều đình nhà Nguyễn, cũng là của nhân dân Việt Nam. Bây giờ Thành Biên Hòa đã được trùng tu, trên căn bản vẫn giữ nguyên thiết kế cũ. Vậy là người dân Biên Hòa không còn nỗi lo di tích lịch sử Thành Kèn sẽ trở thành phế tích như số phận của nhiều di tích ở nước ta.

VĂN MIẾU TRẦN BIÊN TRONG LÒNG NGƯỜI ĐI, KẺ Ở

Ở Biên Hòa, có một địa chỉ văn hóa, một công trình kiến trúc, nghệ thuật đặc biệt, thu hút khách gần xa, cả những người đang sinh sống ở nước ngoài, đó là Văn miếu Trấn Biên.

Nói đến Văn miếu, tôi lại nhớ đến Phượng - cô bạn thân người Mỹ gốc Việt. Năm nào về Biên Hòa, Phượng cũng vào Văn miếu Trấn Biên thấp nhang, sau đó ra Hội quán, điện cho tôi tới hàn huyên bên ly cà phê, nghe nhạc. Lần gần đây nhất năm 2018, chúng tôi cũng ngồi đây, khung cảnh đơn sơ mà thanh bình, những chiếc đèn lồng treo dọc hàng hiên, các giỏ hoa nở rực rỡ, một rẻo đất nhỏ xíu cỏ mướt xanh có phù điêu chân dung nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và nhạc sĩ Văn Cao tóc dài dợn sóng. Ngày mới qua California, vợ chồng Phượng “quán triệt” cho các con, ở nhà chỉ được nói tiếng Việt, để con cái không rơi vào tình cảnh như trong phim “Người Bắc Kinh ở New York”.

Nhưng chỉ vài năm sau con gái chị đã trở thành một cô Mỹ con, cứ nói một câu tiếng Việt chen tiếng Mỹ lại nhún vai một cái. Phượng nói và cười buồn. Tôi chia sẻ với Phượng. Đứa trẻ ba tuổi đã qua Mỹ như con gái chị thì quê hương Việt Nam xa vời vợi chỉ là một khái niệm mơ hồ, trong khi nó ăn, ngủ, học hành, giao tiếp mỗi ngày với dân sở tại. Mà tôi luôn cho rằng văn hóa Mỹ, lối sống Mỹ như một món ăn nhiều ớt, làm bỏng lưỡi, nhưng quen rồi thì ghiền, không bỏ được.

Phượng bảo mỗi lần về thăm quê, dù là tín đồ đạo Công giáo, nhưng chùa chiền nào Phượng cũng vào thắp nhang, chiêm bái, nơi nào cũng làm chị nao lòng. Vì đây là Việt Nam, đất nước của mình, nơi mình không phải mang nặng tâm lý ăn nhờ ở đậu. Câu nói của Phượng làm tôi nhớ Văn hào Voltare người Đức từng nói, Tổ quốc chính là điểm mà trái tim chúng ta được buộc vào.

Ngược dòng lịch sử, “Văn miếu” đầu tiên được xây dựng năm 1715, để tôn vinh Khổng Tử và các danh nhân văn hóa nước Việt, đào tạo nhân tài. Năm 1861 nơi thờ tự này bị thực dân Pháp phá bỏ. Tỉnh Đồng Nai đã khởi công xây dựng lại Văn miếu Trấn Biên vào năm 1998, hoàn thành năm 2002, ở vị trí hơi khuất của thành phố Biên Hòa. Đối diện với Văn miếu là một hồ nước rộng đang xây dựng, ven bờ hồ có nhiều tượng danh nhân văn hóa, hứa hẹn mai sau sẽ một điểm du lịch hữu tình. Mấy năm trước, vào dịp tết cổ truyền, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên trưng bày